

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 08 - 9 - 2021
V/v: tranh chấp Hôn nhân và gia
đình (T – T1)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Văn Lợi**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Hiểu**

2. Bà **Phan Thị Hạnh Mỹ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thảo** - Thư ký TAND huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2021 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2021/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị T** - sinh năm 1988

Địa chỉ: khu 1, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc T1** - sinh năm 1984

HKTT: khu 1, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(chị T, anh T1 đều có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc T1 tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào ngày 10/10/2017. Sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 23/11/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong việc phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con dẫn đến gia đình thường xuyên mâu thuẫn ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống chung cũng như tâm sinh lý và

việc học hành của các con đặc biệt là con riêng của chị . Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ và hàn gắn nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung . Từ đầu năm 2020 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân , không ai quan tâm đến cuộc sống của ai . Nay chị thấy cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp , hôn nhân không mang lại hạnh phúc vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Ngọc T1 có 1 con chung là **Nguyễn An N** - sinh ngày 12/8/2018. Hiện con đang sinh sống cùng chị thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Tuấn phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị vì hiện tại chị có đầy đủ điều kiện kinh tế, thời gian để chăm sóc, nuôi dạy con trưởng thành phát triển tốt nhất.

Về tài sản: Chị và anh T1 không có tài sản chung, không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai do anh Nguyễn Ngọc T1 gửi về có lời chứng của công chứng viên, anh trình bày:** anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án gửi cho anh. Bản thân anh đã ký và viết vào đơn ly hôn cùng chị T. Anh cũng nhận được các tài liệu chứng cứ chị T gửi cho Tòa án vì chị T đã thông báo cho anh.

Về hôn nhân: Về thời gian, địa điểm kết hôn và điều kiện kết hôn như chị T trình bày. Vợ chồng anh chị đều đã trải qua một lần hôn nhân không hạnh phúc, nhưng tưởng sau khi tìm hiểu kỹ và đi đến hôn nhân sẽ tạo cho nhau bên đời hạnh phúc lâu dài. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng, hạnh phúc gia đình không có, không thể tiếp tục chung sống. Nguyên nhân là do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, cách nuôi dạy các con chung, con riêng của vợ chồng. Mặc dù cố níu kéo hạnh phúc gia đình và đã được hai bên gia đình vun vén nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa giải đoàn tụ, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Từ đầu năm 2020 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị T khởi kiện ly hôn anh tại Tòa án, anh cũng đồng ý ly hôn với chị Đoàn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung như chị T trình bày hiện con đang sinh sống cùng chị T. Ly hôn anh đồng ý để chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đoàn Thị T.

Về tài sản: Quá trình chung sống vợ chồng anh không có tài sản chung, không vay nợ ai và cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc hiện tại của anh rất bận và tình hình dịch bệnh anh không có thời gian để về Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị T vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa

án. Mọi thủ tục giấy tờ của Tòa án liên quan đến anh, anh ủy quyền cho mẹ đẻ anh là bà Đỗ Thị Minh H – sinh năm 1962. Địa chỉ: thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình thay mặt anh nhận các thủ tục, giấy tờ này.

Tại văn bản ngày 04/8/2021 bà Đỗ Thị Minh H trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Ngọc T1, bà đã được anh Nguyễn Ngọc T1 thông báo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà chấp nhận với ủy quyền này và có trách nhiệm thông báo, giao lại cho anh T1. Từ khi vợ chồng anh T1 sống ly thân đầu năm 2020 cho đến nay thì anh Tuấn chuyển về sinh sống cùng vợ chồng bà tại thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình. Hiện anh T1 đang công tác tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng vẫn thường xuyên đi lại về thăm gia đình. Do điều kiện công việc cũng như tình hình dịch bệnh vì vậy anh T1 không thể về Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa hai vợ chồng. Bà đề nghị Tòa án giải quyết về việc ly hôn giữa anh T1 và chị T theo bản khai anh T1 đã gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Đoàn Thị T, anh Nguyễn Ngọc T1 là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T1 có hộ khẩu thường trú tại: khu 1, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình và đã ký vào đơn ly hôn do chị T giao nộp cho Tòa án do đó chị Đoàn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng với quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do điều kiện công việc chị Đoàn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Anh Nguyễn Ngọc T1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong suốt quá trình tố tụng vì công việc của anh và tình hình dịch bệnh hiện tại anh không thể về Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị T do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Ngọc T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 23 tháng 11 năm 2017 đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, trong cách nuôi dạy con chung, con riêng dẫn đến gia đình thường xuyên mâu thuẫn ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống chung cũng như tâm sinh lý và việc học hành của các con đặc biệt là con riêng. Mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2020 cho đến nay anh chị sống ly

thân, không ai quan tâm đến ai . Như vậy có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T, anh T1 không còn, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị T và nguyện vọng ly hôn của anh Nguyễn Ngọc T1, xử cho chị Đoàn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T1 là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Ngọc T 1 có 01 con chung là cháu **Nguyễn An N** - sinh ngày 12/8/2018, hiện cháu đang sinh sống cùng chị T chị tại xã T, huyện T. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N hiện do chị T thực hiện, cuộc sống của cháu được đảm bảo, có điều kiện phát triển. Ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc , nuôi dưỡng con chung Nguyễn An N và không yêu cầu anh T 1 phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Mặt khác anh T1 cũng đồng ý để chị T trực tiếp chăm sóc , nuôi dưỡng con chung và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị . Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các bên đương sự, cháu N ở với chị T có đủ điều kiện phát triển tốt nhất , vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T: Giao con chung Nguyễn An N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi cũng như chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Anh Nguyễn Ngọc T1 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản: Cả hai anh chị đều trình bày anh chị không có tài sản chung, không cho ai vay nợ và không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không đặt ra giải quyết về phân tài sản.

[3] Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về quan hệ con chung: Chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Ngọc T 1 có 01 con chung là cháu **Nguyễn An N** - sinh ngày 12/8/2018. Ly hôn giao con Nguyễn An N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi, anh Nguyễn Ngọc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh T1 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản: Không có, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển 300.000đ chị Đoàn Thị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002153 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình ngày 09/6/2021 sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị T, anh Nguyễn Ngọc T 1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKS huyện Tiên Hải;
- THADS huyện Tiên Hải;
- UBND xã P, Tiên Hải;
- TAND, VKSND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Vũ Văn Lợi

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Hiếu

Phan Thị Hạnh Mỹ

Vũ Văn Lợi